

THẦN THOẠI VIỆT NAM TỪ GÓC ĐỘ PHÊ BÌNH SINH THÁI

Hoàng Thị Hồng Thắm

Khoa Ngữ văn và Khoa học xã hội, Trường Đại học Hải Phòng

Email: thamhth@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 24/7/2023

Ngày PB đánh giá: 30/8/2023

Ngày duyệt đăng: 08/9/2023

TÓM TẮT: Hiện nay, môi trường sống đang biến đổi theo chiều hướng tiêu cực với những hiện tượng thời tiết cực đoan như nắng nóng bất thường, hạn hán kéo dài, lũ lụt thường xuyên... Đó chính là sự đáp trả của thiên nhiên đối với chúng ta khi đã tác động, xâm phạm quá thô bạo vào môi trường sinh thái. Sự giận dữ, cuồng nộ của tự nhiên đã khiến nhân loại bưng bít và buộc phải hành động trước khi quá muộn. Ra đời từ thập kỉ 70 của thế kỉ XX nhưng phải đến 20 năm sau, phê bình sinh thái mới thực sự nhập cuộc cùng văn học để thực hiện sứ mệnh cảnh tỉnh và thức tỉnh nhân loại trong mối quan hệ với tự nhiên. Bài viết là cái nhìn tổng quan về thần thoại từ góc độ phê bình sinh thái với các phương diện cơ bản: tự nhiên - cội nguồn của nhân loại, tự nhiên - nguồn sinh dưỡng của loài người và tự nhiên - mối hiểm họa và khát vọng chinh phục của người xưa.

Từ khóa: Môi trường sống, Phê bình sinh thái, Thần thoại Việt Nam

VIETNAMESE MYTHOLOGY FROM THE PERSPECTIVE OF ECOCRITICISM

ABSTRACT: Nowadays, the living environment is changing in a negative way with extreme weather phenomena such as abnormal heat, prolonged drought and frequent floods... It is considered the nature's response to people when they have interfered too much in the ecological environment. Mankind has been alerted by the anger and fury of nature so it is crucial that they take action before it is too late. Emerging in the 70s of the twentieth century, but it was not until 20 years later that ecocriticism was really used in the literature to warn humanity of their relationship with nature. The article is an overview of myths from the perspective of ecological criticism with basic aspects such as nature - the origin of humanity, nature - the source of human sustenance and nature - the danger and the ancients' desire to conquer it.

Keywords: Living environment, Ecocriticism, Vietnamese mythology

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khi nhân loại đạt được những tiến bộ vượt bậc về khoa học kỹ thuật và văn minh thì đồng thời cũng phải đối mặt với những thách thức và mối lo ngại mang tính toàn cầu. Một trong những vấn đề nhức nhối hiện nay là môi trường sinh thái của chúng ta ngày càng bị huỷ hoại nặng nề, hành tinh xanh đang lên tiếng kêu cứu bởi những hành động tiêu cực do con người gây ra. Sự giận dữ, cuồng nộ mà tự nhiên đáp trả như nắng nóng bất thường, hạn hán, lũ lụt kinh hoàng... đã khiến nhân loại bừng tỉnh và buộc phải hành động trước khi quá muộn. Là một lĩnh vực của khoa học nhân văn, văn học đã tham gia vào sứ mệnh thức tỉnh ấy với sự hỗ trợ đắc lực của ngành khoa học phê bình sinh thái. Trong bài viết này, chúng tôi sơ bộ tìm hiểu thần thoại Việt Nam từ góc độ phê bình sinh thái để khám phá mối quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên từ “thuở ấu thơ” của nhân loại, qua đó củng cố thêm mối quan hệ giữa văn học và môi sinh - tư tưởng đặc thù của phê bình sinh thái - trong thể loại cổ xưa nhất của văn học dân gian.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Ra đời từ thập kỉ 70 của thế kỉ XX nhưng phải đến 20 năm sau, phê bình sinh thái mới thực sự nhập cuộc cùng văn học để thực hiện sứ mệnh của mình. Các hội nghị khoa học về môi trường và văn học được tổ chức thường niên, Hiệp hội nghiên cứu văn học và môi trường được

thành lập (1992), đặc biệt là sự ra đời của tạp chí “Nghiên cứu liên ngành văn học và môi trường” (1993) đã giúp phê bình sinh thái trở thành một phong trào nghiên cứu hàn lâm, thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học trên thế giới.

Ở Việt Nam, phê bình sinh thái được giới thiệu và vận dụng trong nghiên cứu văn học từ năm 2011 đến nay. Việc ứng dụng lí thuyết này khá đa dạng, từ văn học dân gian cho đến văn học đương đại. Trong lĩnh vực văn học dân gian, cụ thể trong ca dao, Trần Ngọc Thêm nghiên cứu lối ứng xử của con người với hệ sinh thái thực vật (1999), Trịnh Việt Hoàn đề cập đến vai trò quan trọng của thực vật với đời sống con người, đặc biệt là người nguyên thủy (2017). Còn ở thể loại thần thoại, Nguyễn Huy Bình lí giải hiện tượng lưu truyền thần thoại và nghi lễ sùng bái cây lúa từ góc độ sinh thái học nhân văn (2017), Phan Ngọc Anh khảo sát khoảng 40 bản kể dân gian về cây lúa trong thần thoại ở vùng Phong Châu, Phú Thọ... Trong văn học đương đại, có thể kể đến các luận án của Nguyễn Thuỳ Trang với đề tài: “Tiểu thuyết Việt Nam giai đoạn 1986 - 2014 từ góc nhìn phê bình sinh thái” (2018), “Tự nhiên” và “nữ giới” trong văn xuôi nữ Việt Nam đương đại nhìn từ nữ quyền luận sinh thái” (2022) của Hoàng Lê Anh Ly... Có thể nói, phê bình sinh thái là mảnh đất giàu tiềm năng đối với nghiên cứu văn học nói chung và văn học dân gian nói riêng.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Một số thuật ngữ, khái niệm

3.1.1. Thần thoại

Thần thoại là thể loại truyện dân gian phổ biến trên thế giới. Đây là thể loại truyện cổ nhất, ra đời từ thời công xã nguyên thủy, khi mà trình độ nhận thức của con người còn rất thấp, vốn ngôn ngữ nghèo nàn, sự giao lưu giữa các cộng đồng vô cùng hạn chế. Thần thoại là một hình thức nhận thức thế giới mang tính đặc trưng của người cổ đại. Thông qua việc mã hóa và thần thánh hóa các hiện tượng tự nhiên, xã hội, con người đã gửi gắm khát vọng giải thích tự nhiên, xã hội và ước mơ chinh phục thế giới đó. Sự nhận thức của con người thời xưa cơ bản là hoang đường và sai lầm song nó cũng có hạt nhân thực tế. Những bí ẩn không thể lí giải đều được họ cho là do thần linh cai quản, chi phối. Vì vậy, với người cổ đại, những hiện tượng tự nhiên như gió, mưa, sấm sét, hạn hán, lụt lội, nhật thực, nguyệt thực... đều do các vị thần tạo ra. Quan niệm thần thoại ấy vẫn còn tồn tại đến ngày nay khi mà con người còn niềm tin vào những điều bí ẩn trong vũ trụ. Đó là tục cúng thần núi, thần sông... hiện vẫn rất phổ biến, thậm chí trở thành những tập tục quan trọng không thể bỏ qua trong đời sống của chúng ta (tục cúng vua bếp Táo Quân, cúng gà đêm giao thừa, cúng thần đất khi động thổ...).

Tựu trung, thần thoại “là một thể loại văn học dân gian, một thể sáng tạo

nghệ thuật ngôn từ truyền miệng đầu tiên và không tự giác ra đời vào giai đoạn xã hội nguyên thủy đã phát triển từ dã man đến văn minh. Đó là một tập hợp những truyện kể dân gian về các vị thần, phản ánh quan niệm về thế giới tự nhiên và đời sống xã hội thời kì thị tộc, bộ lạc, biểu hiện nhu cầu nhận thức và những khát vọng tự nhiên về một cuộc sống tốt đẹp và có tính nhân bản” [7, 46].

3.1.2. Phê bình sinh thái

“Sinh thái” là một từ Hy Lạp cổ, nghĩa là nhà ở, nơi cư trú. Thuật ngữ “sinh thái học” có nguồn gốc từ chữ Hy Lạp, gồm oikos (chỉ nơi sinh sống) và logos (học thuyết, khoa học). Thuật ngữ “sinh thái học” do nhà sinh vật học người Đức Ernst Haecker đưa ra vào năm 1866 trong công trình “Hình thái học toàn thể của cơ thể”. Đã có nhiều định nghĩa về “sinh thái học” nhưng theo cách hiểu chung nhất thì nó là “khoa học nghiên cứu mối quan hệ qua lại và sự tác động lẫn nhau giữa cơ thể sống với môi trường xung quanh nó, hay nói một cách bao quát và chính xác hơn là mối quan hệ qua lại và sự tác động lẫn nhau giữa các hệ thống vật chất sống ở cấp độ cơ thể và trên cơ thể với môi trường sống” [2, 11]. Nói một cách ngắn gọn, sinh thái học là khoa học nghiên cứu mối quan hệ qua lại giữa xã hội loài người và sinh quyển. Với cách hiểu như vậy, việc nghiên cứu sinh thái học đã mở rộng nội hàm của nó, từ nghiên cứu mối quan hệ giữa “cơ thể với môi trường” sang nghiên cứu mối quan

hệ “con người với tự nhiên”, “xã hội với sinh quyển”, hướng đến những lĩnh vực khoa học khác như văn hoá, văn học... Việc nghiên cứu này góp phần tạo nên một cái nhìn đa chiều, toàn diện hơn về quy luật sinh thái và sự phát triển hài hoà, bền vững hơn giữa môi trường sinh thái và xã hội loài người.

Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng định nghĩa về phê bình sinh thái của Cheryl Glotfelty: “Phê bình sinh thái là nghiên cứu mối quan hệ giữa văn học và môi trường tự nhiên. Cũng giống như phê bình nữ quyền xem xét ngôn ngữ và văn học từ góc độ giới tính, phê bình mác-xít mang lại ý thức của phương thức sản xuất và thành phần kinh tế để đọc văn bản, phê bình sinh thái mang đến phương pháp tiếp cận trái đất là trung tâm để nghiên cứu văn học” [dẫn theo 3].

Như vậy, có thể thấy phê bình sinh thái nghiên cứu mối quan hệ giữa văn học và tự nhiên từ định hướng tư tưởng của chủ nghĩa sinh thái thông qua việc khám phá thẩm mỹ sinh thái và biểu hiện nghệ thuật của nó trong tác phẩm. Theo thuyết phê bình sinh thái, người nghiên cứu lấy sinh thái làm trung tâm, hướng đến mối quan hệ hài hoà giữa con người và tự nhiên thông qua phương pháp nghiên cứu liên ngành.

3.2. Phê bình sinh thái trong thần thoại Việt Nam, một cái nhìn toàn cảnh

Về mặt tư liệu khảo sát, chúng tôi sử dụng cuốn *Lược khảo về thần thoại*

Việt Nam của Nguyễn Đông Chi [6] để tìm hiểu về thần thoại Việt Nam từ góc độ phê bình sinh thái. Cuốn sách này có 50 truyện thần thoại của các dân tộc Việt Nam, trong đó có 2 truyện không thuộc phạm vi khảo sát của chúng tôi là Thần thoại Lào và Thần thoại Trung Quốc. Nhóm truyện khảo sát gồm các nội dung sau: Tự nhiên - cội nguồn của nhân loại (3/48 truyện), tự nhiên - nguồn sinh dưỡng của loài người (8/48 truyện) và tự nhiên - mối hiểm hoạ và khát vọng chinh phục của người xưa (6/48 truyện).

3.2.1. Tự nhiên - cội nguồn của loài người

Tư tưởng đặc thù của phê bình sinh thái là mối quan hệ giữa ba yếu tố bao gồm con người, tự nhiên và nghệ thuật. Từ thuở ban sơ của loài người, tự nhiên và con người có một mối quan hệ khá đặc biệt. Do trình độ nhận thức còn rất hạn chế nên người cổ đại không thể lí giải được một cách đúng đắn và khoa học những hiện tượng tự nhiên xảy ra xung quanh mình. Chính vì vậy, bên cạnh việc sử dụng trí tưởng tượng phong phú, hồn nhiên để nhận thức và khám phá tự nhiên, họ còn có tâm lí sùng bái, ngưỡng mộ tự nhiên. Tâm lí đó đã dẫn đến sự xuất hiện những câu chuyện thần thoại về nguồn gốc loài người đầy huyền hoặc và in đậm dấu ấn của tự nhiên. Theo truyện của người Kinh (Mười hai bà mụ), con người có nguồn gốc từ đất: trong quá trình tu bổ các giống vật, Ngọc Hoàng lấy chất tinh tú từ đất nặn ra con người,

còn chất cặn bã nặn ra các giống vật. Người Mường cho rằng các dân tộc anh em có cùng một nguồn gốc do đôi chim Ấy-Úa sinh nở ra. Phổ biến hơn cả khi giải thích nguồn gốc của loài người là câu chuyện “Quả bầu mẹ” trong thần thoại các dân tộc Việt Nam. Cốt truyện “Quả bầu mẹ” như sau: sau trận đại hồng thủy, chỉ còn hai anh em ruột sống sót chia tay nhau đi tìm người để kết hôn. Sau nhiều lần đi không gặp ai, họ đành phải nghe theo sự khuyên bảo của một nhân vật thứ ba nào đó như ông Trời (thần thoại H’mông, thần thoại Lô Lô) hoặc con rùa, cây tre (thần thoại Mường)... để duy trì nòi giống. Cuộc hôn phối bất đắc dĩ ấy đã sinh ra một quả bầu và mỗi một hạt bầu hoá thành một con người... Câu chuyện gắn liền với thời kì văn hóa trồng trọt của người Việt cổ, đồng thời cũng đề cao vai trò của tự nhiên đối với loài người: quả bầu là nơi trú ẩn an toàn trong trận đại hồng thủy, quả bầu sinh ra con người...

Theo di chỉ khảo cổ học, văn hóa trồng trọt xuất hiện khoảng 9000 năm TCN, trong đó văn hóa củ và bầu bí xuất hiện trước văn hóa lúa nước. Từ văn hóa củ đến văn hóa bầu bí, đời sống xã hội con người đã phát triển hơn: bầu bí giúp tăng vụ, thêm lương thực, đời sống no đủ hơn. Việc trồng trọt giúp các cộng đồng dân cư sinh sống cạnh nhau có quan hệ tốt đẹp và gắn bó với nhau vì mục đích sinh tồn, chống lại kẻ thù “hai chân” và “bốn chân”. Từ đó, họ đã nảy sinh suy

nghĩ về một nguồn gốc chung và tìm cách giải thích điều đó bằng truyện thần thoại Quả bầu mẹ.

Truyện Quả bầu mẹ đã đề cập đến vấn đề hôn nhân cùng huyết thống, đây là một hình thái hôn nhân từng tồn tại trong thời kì xã hội nguyên thủy. Những vết tích của hiện tượng quần hôn còn di vết trong thần thoại các dân tộc như: Ông Đùng - bà Đà, Nữ Oa - Phục Hy, thần Dớt - Hê ra, Ó-đíp làm vua... Câu tục ngữ của người Việt: “Con bá con dì tù tù lấy nhau” có lẽ cũng là dấu ấn của thời kì này. Chế độ phong kiến Việt Nam cũng từng tồn tại chế độ nội tộc hôn (thời Trần: Trần Thị Dung (con bác) tái hôn với Trần Thủ Độ (con chú)...). Hiện nay, chế độ hôn nhân cận huyết vẫn còn tồn tại ở một số dân tộc ít người của nước ta như Lô Lô, Hà Nhì, Mạ, Mnông, S’tiêng...

Khi loài người đã có bước tiến mới trong tiến trình phát triển của mình thì hiện tượng loạn hôn bị loại bỏ. Những người vi phạm sẽ bị cộng đồng lên án, trừng phạt. Chỉ trong những trường hợp đặc biệt (cần duy trì nòi giống) thì người ta mới phạm vào điều cấm kị đó, đặc biệt phải được thế lực siêu nhiên hoặc một loài động/ thực vật nào đó đồng tình ủng hộ như ông Trời, con rùa, cây tre... như trong truyện Quả bầu mẹ của một số dân tộc. Qua nhóm truyện thần thoại này, người xưa muốn khẳng định vai trò quan trọng của tự nhiên: tự nhiên chính là cội nguồn của loài người. Dù quan niệm này

còn mơ hồ, huyền hoặc và ấu trĩ nhưng ít nhiều nó vẫn có nhân tố của thực tiễn. Trong quá trình va chạm với thế giới xung quanh, người cổ đại đã chứng kiến và nhận thức được rằng chính tự nhiên đã che chở, nuôi sống họ. Từ đó, ở họ nảy sinh tư tưởng tôn sùng, thần thánh hoá tự nhiên. Sự mong muốn được kết thân với tự nhiên đã làm nảy sinh mối quan hệ đặc biệt giữa con người và hệ sinh thái bao quanh mình. Tự nhiên trở thành vật tổ của con người. Mối quan hệ đặc biệt giữa con người và tự nhiên thuở sơ khai đã tạo nên những truyện thần thoại một đi không trở lại trong lịch sử nhân loại, đó là những tác phẩm nghệ thuật đẹp đẽ dù là loại hình nghệ thuật “vô ý thức”.

3.2.2. Tự nhiên - nguồn sinh dưỡng của nhân loại

Ngay từ thuở sơ khai, con người đã ý thức được vai trò quan trọng của thế giới tự nhiên đối với cuộc sống của mình. Thiên nhiên như một bà mẹ vĩ đại chở che, nuôi sống nhân loại. Thần thoại Việt Nam đã ghi nhận những câu chuyện từ thời kì hồng hoang về sự ưu ái và hào phóng mà thiên nhiên ban tặng cho con người. Lúc đầu, mặt đất không có cỏ, cây cối tự mọc và ra quả, ngô ăn được cả lá, lúa chín tự bay về nhà, con người không phải gặt (thần thoại H'mông), lúa đến kì chín tự theo dây bò lên nhà, củ khoai mọc trôi trên mặt đất, cây mía là một ống nước ngọt, chỉ cần uống mà không phải nhai (thần thoại Ba Na)... Sau khi chín mặt trăng và mặt trời bị bắn

rụng, gà đã đi gọi mặt trời để mặt đất không còn cảnh tối tăm, lạnh lẽo (thần thoại H'mông). Sau trận đại hồng thủy, điều hâu đã lấy thịt của mình cho hai anh em ăn (thần thoại H'mông), trái bầu cứu mạng sống hai anh em Phu Hay (thần thoại Dao), kiến đen mang hạt giống lúa thần cho hai anh em (thần thoại Ba Na), cây tre cứu hai anh em khỏi cảnh bị treo lơ lửng trên ngọn cây (thần thoại Lô Lô), chim én mang hạt giống cho Bàn Củ gieo hạt, hạt nảy mầm thành một cái cây, ra hoa kết trái thành một quả bầu khổng lồ to đến 6 trượng, giúp hai anh em Bàn Củ nướng nấu khi có trận lụt lớn (thần thoại Dao)... Rùa vàng dạy dân cách làm nhà (thần thoại Mường). Thần Mưa có nhiệm vụ phun nước cho thế gian ăn uống, cày cấy và cho cây cỏ tốt tươi, thần Đất khi lên châu Ngọc Hoàng thì vạn vật ngừng hoạt động, khi thần trở về, vạn vật như bừng tỉnh sau một giấc ngủ (thần thoại Kinh)...

Với người xưa, thế giới tự nhiên đầy bí ẩn, có uy lực, thậm chí ở vị thế cao hơn con người. Tự nhiên được nhân cách hoá, có sinh mệnh và hành động như con người (biết giận dữ, che chở, giúp đỡ hoặc trừng phạt con người...). Quan niệm này thể hiện tư tưởng “vạn vật hữu linh” đầy hồn nhiên và chất phác. Tự nhiên và con người ở trong mối quan hệ tương tác tương sinh. Tự nhiên nâng đỡ, bảo vệ con người, vì vậy, con người cũng đối đãi với tự nhiên bằng lòng biết ơn và sùng kính. Vì điều hâu lấy thịt mình cho

hai anh em ăn nên sau này họ đã mọc thịt ở gáy, ở nách và ở khoeo chân trả ơn cho điều (thần thoại H'mông); hai anh em nhờ tre cứu thoát khỏi ngọn cây nên đã thờ tre làm tổ (thần thoại Lô Lô); trong thời gian thần Đất lên châu Trời, con người “không dám động đến đất của thần”, “sau khi làm lễ động thổ, nghĩa là sau khi được phép của thần Đất, người ta mới lại đụng chạm đến đất” (thần thoại Kinh) [6, 106]...

Xét mối quan hệ giữa con người và tự nhiên ở phương diện tự nhiên - sinh thành hay tự nhiên - sinh dưỡng con người, ta đều thấy người cổ đại và tự nhiên luôn hoà hợp, gắn kết với nhau. Con người nương tựa, tôn trọng, ngưỡng mộ và kính sợ tự nhiên. Đó là cách để họ sinh tồn trong thời kì hồng hoang, đồng thời cũng khiến chúng ta phải suy ngẫm về quá trình tương tác, ứng xử với môi trường sinh thái trong thời đại văn minh và khoa học kĩ thuật tiến bộ, khi nhân loại đang phải trả giá đắt vì đã chọn cách đối đầu với thiên nhiên trong tiến trình phát triển của mình.

3.2.3. Tự nhiên - mối hiểm họa và khát vọng chinh phục của người Việt

Sống giữa thiên nhiên bao la và đầy bí ẩn, con người không thể tránh khỏi những hiểm họa như lũ lụt, bão tố, hạn hán, cháy rừng, động đất... Những hiểm họa ấy đã hình thành ở người Việt cổ khát vọng chinh phục tự nhiên để sinh tồn. Cuộc đấu tranh với thế giới tự nhiên trở thành nguồn cảm hứng dồi

dào và in dấu ấn đẹp đẽ trong kho tàng thần thoại Việt Nam. Đó là ước mơ chống lụt (Sơn Tinh - Thủy Tinh, Cờng Bạo đại vương) và chống hạn (Cóc kiện trời, Mặt Trăng và Mặt Trời, Lương Vung, Chủ Lò)... Khát vọng ấy được gửi gắm trong những người anh hùng thần thánh của cộng đồng như Sơn Tinh, Cờng Bạo, Cóc, Lương Vung, Quả... Về khát vọng chống hạn, truyện của người Mường kể rằng sau trận lụt, xuất hiện 12 tinh cầu hun khô mặt đất. Nhưng sau khi mặt đất đã khô ráo, các tinh cầu vẫn không ngừng chiếu ánh nắng chói chang. Lương Vung đã giương cung bắn rụng gần hết các tinh cầu, chỉ còn lại hai cái là mặt trời và mặt trăng. Thần thoại của người Kinh (Việt) có truyện Cóc kiện trời, kể chuyện Cóc dẫn các loài vật gồm Cáo, Gấu, Cọp lên thiên đình kiện Ngọc Hoàng vì để trần gian hạn hán kéo dài.

Còn khát vọng chống lụt lại được hình tượng hóa qua các nhân vật Cờng Bạo và Sơn Tinh. Trong tâm thức dân gian, Sơn Tinh biểu đạt cho những khả năng to lớn, vĩ đại của nhân dân ta trong cuộc chiến đấu chống thiên tai - lũ lụt (ứng phó với môi trường tự nhiên) để bảo vệ cuộc sống của cộng đồng (trong quan niệm dân gian thì thủy (lửa) là hiểm họa đáng sợ nhất trong bốn hiểm họa: Thủy, hỏa, đạo, tặc). Chiến công chống lũ lụt lẫy lừng của thần bắt nguồn từ xung đột mang màu sắc tình ái giữa thần và Thủy Tinh. Cuộc chiến đấu dai dẳng “Năm

năm báo oán, đời đời đánh ghen” ấy biểu trưng cho hiện tượng bão lụt hàng năm ở vùng đồng bằng Bắc Bộ và công cuộc trị thủy của người Việt cổ. Chính khát vọng chiến thắng lũ lụt, tiến tới công cuộc trị thủy để bảo vệ sinh mạng và nguồn sống đã tạo nên hình ảnh kì vĩ “nước càng dâng lên bao nhiêu thì núi càng cao lên bấy nhiêu”. Cường Bạo thắng thần Sét và bộ hạ của vua Thủy Tề, còn Sơn Tinh luôn chiến thắng Thủy Tinh, những chiến thắng ấy là biểu hiện cho khát vọng chế ngự tự nhiên để sinh tồn của người Việt cổ.

Những chiến công chinh phục tự nhiên của các anh hùng trong thần thoại Việt Nam đã khẳng định sức mạnh của con người trước tự nhiên bao la và dữ dội. Tuy nhiên, những chiến công ấy chưa có dấu ấn của thuyết nhân loại trung tâm (luôn coi loài người là thực thể quan trọng nhất trong vũ trụ) mà chỉ đơn thuần xuất phát từ sự đe dọa của tự nhiên đối với cuộc sống con người. Lương Vung bắn rụng các tinh cầu, Quái ném cát vào mặt của Mặt Trăng, Cường Bạo, thần Chang Lô Lô đánh thần Sét... xét đến cùng là hành động “tức nước vỡ bờ” khi bị các vị thần trên trời gây họa cho người dân nơi hạ giới. Những hành động ấy vẫn chưa phải là sự “hạ bệ tự nhiên xuống như một đối tượng nghiên cứu và điều khiển bởi một người quan sát bên ngoài, vừa khuếch đại khả năng của con người làm phá hủy tự nhiên” [dẫn

theo 5]. Đó là cách con người tự vệ, phản kháng lại lực lượng tự nhiên để sinh tồn và phát triển.

4. KẾT LUẬN

Ngành khoa học phê bình sinh thái đã dựa trên quy luật sinh tồn giữa các loài trong thế giới tự nhiên nhằm thực hiện sứ mệnh bảo vệ môi sinh. Xét đến cùng, mục đích của nó cũng là vì lợi ích căn bản và bền vững của nhân loại, bởi loài người không thể tồn tại nếu tách khỏi môi trường tự nhiên. Từ hiểu thần thoại Việt Nam từ góc nhìn phê bình sinh thái, chúng ta phát hiện ra những giá trị nhân văn cao đẹp thông qua những câu chuyện đề cao mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người, ý thức tôn trọng thiên nhiên, sự hài hoà giữa chủ thể và khách thể. Dẫu những câu chuyện thần thoại chỉ là sự sáng tạo “vô ý thức” nhưng chúng ta vẫn nhìn thấy hạt nhân của “đạo đức sinh thái” trong đó: coi trọng sự sinh tồn và hoà hợp giữa các loài trong thế giới tự nhiên đa dạng và tươi đẹp này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Quỳnh An, Nguyễn Thị Tâm (2020), “Phê bình sinh thái ở Việt Nam: Tổng quan các vấn đề nghiên cứu trong văn học hiện nay”, *Thông tin Khoa học xã hội*, số 11 (455) 2020.

2. Trần Lê Bảo (2005), *Văn hóa sinh thái nhân văn*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

3. Trần Thị Ánh Nguyệt (2018), *Phê bình sinh thái - vài nét phác thảo*, tapchisonghuong.com.vn.
4. Bùi Mạnh Nhị (2008), *Văn học Việt Nam, văn học dân gian, những công trình nghiên cứu*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. Nguyễn Thùy Trang (2018), *Tiểu thuyết Việt Nam giai đoạn 1986 - 2014 từ góc nhìn phê bình sinh thái*, Đại học Huế, Thừa Thiên Huế.
6. Trung tâm KHXH và Nhân văn quốc gia (2003), *Nguyễn Đổng Chi - Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Vũ Anh Tuấn (2012), *Giáo trình văn học dân gian*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.